TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31-3-2020
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Huệ.

Bà Phạm Hồng Ân.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phan Thị N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông Đoàn Văn T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 3 năm 2020 bà Phan Thị N và ông Đoàn Văn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 02 năm 2020 và tại biên bản hòa giải ngày 20 tháng 3 năm 2020 nguyên đơn bà Phan Thị N trình bày: Vào năm 2008 bà và ông T tự nguyên chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời

gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây bà và ông T thường xãy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống chung không còn hạnh phúc mặc dù đã được gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Bà và ông T không còn sống chung với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên bà yêu cầu tòa án nhân dân huyện Phú Tân cho bà được ly hôn với ông Đoàn Văn T. Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông T có một người con chung tên Đoàn Diễm M (giới tính nữ), sinh ngày 23 tháng 02 năm 2008, hiện tại người con chung đang sống chung với ông T. Bà yêu cầu giao người con chung cho ông T nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Tại biên bản hòa giải ngày 20 tháng 3 năm 2020 bị đơn ông Đoàn Văn T trình bày: Ông thừa nhận lời trình bày của bà Phan Thị N về việc không có đăng ký kết hôn, thời gian xác lập quan hệ vợ chồng, cũng như mâu thuẫn là đúng nay bà N yêu cầu ly hôn với ông, ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N. Về con chung đúng như bà N trình bày, ông đồng ý nuôi người con chung tên Đoàn Diễm My (giới tính nữ), sinh ngày 23 tháng 02 năm 2008, ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phan Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Đoàn Văn T, yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "*Ly hôn"* nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Phan Thị N là nguyên đơn và ông Đoàn Văn T là bị đơn đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Phan Thị N và ông Đoàn Văn T.

[3] Về quan hệ hôn nhân : Bà Phan Thị N và ông Đoàn Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa bà N và ông T không được pháp luật thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị N và ông Đoàn Văn T.

[4] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà Phan Thị N và ông Đoàn Văn T có một người con chung tên Đoàn Diễm Mi, sinh ngày 23 tháng 02 năm 2008, con chung do ông T đang trực tiếp nuôi dưỡng, bà N yêu cầu giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy sự thỏa thuận giữa bà N và ông T là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà N và ông T, giao người con chung tên Đoàn Diễm Mi (giới tính nữ), sinh ngày 23 tháng 02 năm 2008 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N, ông T không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà N phải chịu 300.000đ, bà N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị N và ông Đoàn Văn T.

- Về quyền nuôi con chung: Giao người con chung tên Đoàn Diễm M (giới tính nữ), sinh ngày 23 tháng 02 năm 2008 cho ông Đoàn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Phan Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về án phí: Bà Phan Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0019869 ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm , các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị*

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều